

KINH TẾ XANH, KINH TẾ TUẦN HOÀN - KINH NGHIỆM CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

★ TS TRẦN VĂN HIẾU

Đại học Cần Thơ

● **Tóm tắt:** Bài viết phân tích kinh nghiệm của Liên minh châu Âu (EU) - khu vực tiên phong trong chuyển đổi xanh; đồng thời xem xét hiện trạng và khoảng cách của Việt Nam trong quá trình hướng tới tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn. Trên cơ sở đó, đề xuất các hàm ý chính sách cho Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn.

● **Từ khóa:** kinh tế xanh; kinh tế tuần hoàn; hàm ý chính sách.

Green and circular economy - EU's experiences and policy implications for Vietnam

● **Abstract:** The article analyzes the experiences of the European Union (EU) - a pioneering region in green transformation; while also examining Vietnam's current status and gaps in the process of advancing toward green growth and a circular economy. On that basis, the article proposes policy implications for Vietnam during the transition phase to a green growth model and circular economy.

● **Keywords:** green economy; circular economy; policy implications.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu gia tăng, tài nguyên suy giảm và ô nhiễm môi trường diễn biến phức tạp, yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững đang trở nên cấp thiết đối với các quốc gia. Đại hội XIV của Đảng xác định: “Xác lập mô hình tăng trưởng mới với mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả...; tạo ra sức sản xuất và phương thức sản xuất mới chất lượng cao, trọng tâm là kinh tế dữ liệu, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi

xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực” (ĐCSVN, 2026, tr.377-378).

Hiện nay, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn nổi lên như các định hướng chiến lược nhằm thúc đẩy phát triển bền vững thông qua giảm phát thải, tối ưu hóa sử dụng tài nguyên và nâng cao hiệu quả sản xuất. Liên minh châu Âu (EU) được xem là khu vực tiên phong với việc triển khai Thỏa thuận xanh châu Âu (European Green Deal) và Kế hoạch hành động về kinh tế tuần hoàn, qua đó tạo lập khung chính sách toàn

diện thúc đẩy quá trình chuyển đổi. Đối với Việt Nam, cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 mở ra cơ hội quan trọng nhưng đồng thời đặt ra nhiều thách thức liên quan đến thể chế, công nghệ, nguồn lực tài chính và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Bài viết hệ thống hóa cơ sở lý thuyết về kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững; đồng thời, phân tích những kinh nghiệm từ liên minh châu Âu trong quá trình chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh; tập trung đánh giá hiện trạng triển khai tại Việt Nam, làm rõ các cơ hội, thách thức và mức độ sẵn sàng của nền kinh tế trong bối cảnh mới. Từ đó, đề xuất các hàm ý chính sách phù hợp nhằm hỗ trợ quá trình thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng trong giai đoạn tới.

2. Nội dung

2.1. Kinh nghiệm của Liên minh châu Âu

a) Khung chính sách tổng thể

Trong hai thập kỷ qua, EU đã xây dựng một hệ thống chính sách toàn diện, mang tính ràng buộc pháp lý cao và được triển khai đồng bộ giữa các quốc gia thành viên. Trọng tâm của hệ thống này là Thỏa thuận xanh châu Âu, công bố vào năm 2019, nhằm định hướng EU trở thành khu vực trung hòa carbon vào năm 2050. Thỏa thuận xanh được coi là “chiến lược tăng trưởng mới” của EU, đặt môi trường làm trọng tâm và xem chuyển đổi xanh là nền tảng nâng cao năng

lực cạnh tranh dài hạn (European Commission, 2019). Bên cạnh đó, Kế hoạch hành động về kinh tế tuần hoàn (Circular Economy Action Plan - CEAP) năm 2020 đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy chuyển đổi mô hình sản xuất - tiêu dùng của EU. CEAP đặt ra các tiêu chuẩn thiết kế sản phẩm bền vững (sustainable product policy framework), yêu cầu kéo dài vòng đời sản phẩm, tăng khả năng sửa chữa, tái chế và giảm thiểu sử dụng tài nguyên nguyên sinh (European Commission, 2020). Đồng thời, gói chính sách “Fit for 55” được triển khai năm 2021 nhằm cụ thể hóa mục tiêu giảm 55% lượng phát thải khí nhà kính vào năm 2030 so với mức năm 1990, bao gồm cải cách hệ thống mua bán khí thải (EU ETS), tiêu chuẩn khí thải cho phương tiện giao thông và tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo.

Ngoài ra, hệ thống phân loại tài chính bền vững (EU Taxonomy) đóng vai trò là khung chuẩn hóa, giúp xác định các hoạt động kinh tế được xem là “xanh”, từ đó định hướng các dòng vốn đầu tư bền vững. EU Taxonomy tạo điều kiện cho việc minh bạch tài chính và hạn chế tình trạng “tô xanh” (greenwashing) trong thị trường (EU Technical Expert Group on Sustainable Finance, 2020). Nhờ bộ khung chính sách đa tầng và mang tính ràng buộc này, EU đã thiết lập một cơ chế chuyển đổi mang tính hệ thống, tạo tác động mạnh mẽ lên cả khu vực công và tư nhân.

Trong hai thập kỷ qua, EU đã xây dựng một hệ thống chính sách toàn diện, mang tính ràng buộc pháp lý cao và được triển khai đồng bộ giữa các quốc gia thành viên. Trọng tâm của hệ thống này là Thỏa thuận xanh châu Âu, công bố vào năm 2019, nhằm định hướng EU trở thành khu vực trung hòa carbon vào năm 2050. Thỏa thuận xanh được coi là “chiến lược tăng trưởng mới” của EU, đặt môi trường làm trọng tâm và xem chuyển đổi xanh là nền tảng nâng cao năng lực cạnh tranh dài hạn (European Commission, 2019).

b) Công cụ tài chính - pháp lý

Đặc điểm nổi bật trong chiến lược chuyển đổi xanh của EU là việc sử dụng kết hợp các công cụ pháp lý và công cụ kinh tế nhằm tạo động lực và áp lực thay đổi hành vi của doanh nghiệp. Trong đó, thuế carbon và hệ thống mua bán phát thải (EU ETS) là hai trụ cột chính. Thuế carbon góp phần định giá chi phí môi trường của hoạt động sản xuất, trong khi EU ETS phân bổ hạn ngạch phát thải có thể giao dịch, giúp tối ưu hóa chi phí giảm phát thải ở cấp độ khu vực (Ellerman, A. D. & cộng sự, 2016). Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (Carbon Border Adjustment Mechanism - CBAM), được EU ban hành năm 2023, nhằm hạn chế “rò rỉ carbon” và bảo đảm cạnh tranh bình đẳng giữa doanh nghiệp EU và các nhà sản xuất từ quốc gia có tiêu chuẩn môi trường thấp hơn. CBAM yêu cầu nhà nhập khẩu phải mua chứng chỉ carbon tương ứng với lượng phát thải của hàng hóa như thép, xi măng, phân bón, nhôm và điện (European Commission, 2023). Điều này tạo tác động lớn đến chuỗi cung ứng toàn cầu và buộc nhiều quốc gia đối tác phải điều chỉnh tiêu chuẩn sản xuất theo hướng bền vững hơn. Về minh bạch thông tin bền vững, EU triển khai Chỉ thị báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp (Corporate Sustainability Reporting Directive - CSRD). Chỉ thị này yêu cầu các doanh nghiệp quy mô lớn phải công bố báo cáo ESG (Environmental - Social Governance) theo chuẩn ESRS, bao gồm dữ liệu về khí hậu, tài nguyên, lao động và quản trị. CSRD tạo nên chuẩn mực báo cáo thống nhất, bảo đảm khả năng so sánh giữa các doanh nghiệp và thúc đẩy tính trách nhiệm trong hoạt động kinh doanh (EFRAG, 2022).

Ngoài ra, cơ chế mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất (Extended Producer Responsibility

- EPR) là công cụ quan trọng trong thúc đẩy tái chế và giảm chất thải. EPR yêu cầu doanh nghiệp chịu trách nhiệm tài chính và vận hành đối với sản phẩm của họ sau khi kết thúc vòng đời, áp dụng cho các ngành như bao bì, điện tử, pin, phương tiện và nhựa dùng một lần (OECD, 2016). Thực hiện EPR, nhiều quốc gia EU đạt tỷ lệ tái chế vượt 50%, thậm chí 60% ở một số nhóm chất thải.

c) Đổi mới công nghệ và hỗ trợ doanh nghiệp

EU xác định khoa học - công nghệ là động lực cốt lõi của quá trình chuyển đổi xanh. Chương trình Horizon Europe, với ngân sách hơn 95 tỷ EUR giai đoạn 2021 - 2027, dành nguồn lực lớn cho nghiên cứu và đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực công nghệ sạch, năng lượng tái tạo, hydro xanh, vật liệu sinh học, công nghệ carbon thấp và kinh tế tuần hoàn (European Commission, 2021). Horizon Europe không chỉ tài trợ nghiên cứu mà còn hỗ trợ thử nghiệm, thương mại hóa và nhân rộng các giải pháp công nghệ.

Bên cạnh đó, EU thúc đẩy phát triển các cụm công nghiệp tuần hoàn (circular industrial clusters), tập trung vào các ngành có mức phát thải và sử dụng tài nguyên lớn như nhựa, thép, xi măng và dệt may. Các cụm này được thiết kế theo mô hình cộng sinh công nghiệp, trong đó chất thải hoặc phụ phẩm của doanh nghiệp này trở thành đầu vào cho doanh nghiệp khác. Đây là giải pháp hiệu quả trong việc giảm chi phí, tối ưu tài nguyên và tạo ra sản phẩm giá trị gia tăng cao (Kalmykova, Y., & Rosado, L., 2018).

EU cũng chú trọng hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) thông qua các chương trình tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật, tiếp cận vốn xanh và đào tạo năng lực. Chương trình *EU Eco - Innovation* và *Enterprise Europe Network* đã giúp hàng nghìn SME chuyển đổi mô hình kinh doanh,

đạt chuẩn bền vững và mở rộng thị trường thông qua các sản phẩm xanh. Nhờ vào chính sách đồng bộ, EU đã hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo xanh với sự tham gia của doanh nghiệp, viện nghiên cứu và các cơ quan quản lý.

d) Thành tựu và hạn chế

Sau hơn ba thập kỷ triển khai liên tục các chính sách môi trường và phát triển bền vững, EU đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Lượng phát thải khí nhà kính của EU đã giảm hơn 32% so với năm 1990, trong khi GDP vẫn tăng trưởng, chứng minh tính khả thi của mô hình “tách rời” tăng trưởng kinh tế và phát thải (European Environment Agency, 2022). Tỷ lệ tái chế của nhiều quốc gia thành viên như Đức, Hà Lan, Áo vượt mức 50%, dẫn đầu thế giới về quản lý chất thải và hiệu quả tài nguyên.

Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi vẫn đối mặt với một số thách thức: *Thứ nhất*, chi phí chuyển đổi xanh còn rất lớn, đặc biệt đối với doanh nghiệp nhỏ và quốc gia có mức thu nhập thấp hơn trong khối. Sự chênh lệch về năng lực công nghệ, cơ sở hạ tầng và nguồn lực tài chính tạo nên khoảng cách thực thi chính sách giữa các quốc gia thành viên (Geissdoerfer, M. & cộng sự, 2017). *Thứ hai*, việc triển khai các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về môi trường, báo cáo ESG và CBAM gây áp lực đáng kể lên doanh nghiệp trong và ngoài EU. Sự phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên liệu chiến lược như khoáng sản quan trọng có thể làm chậm tiến độ thực hiện các mục tiêu tăng trưởng xanh.

Mặc dù vậy, EU vẫn được đánh giá là mô hình thành công và toàn diện nhất trên thế giới, cung cấp nhiều bài học chính sách quan trọng cho các quốc gia, trong đó có Việt Nam trong quá trình xây dựng lộ trình phát triển bền vững.

2.2. Thực trạng phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam

a) Khung chính sách

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã có bước chuyển quan trọng trong việc định hình khung chính sách về tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững. Những định hướng này thể hiện rõ trong Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 được ban hành theo Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01-10-2021 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó nhấn mạnh giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy mô hình kinh tế carbon thấp, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và khuyến khích đổi mới sáng tạo xanh. Chiến lược khẳng định tăng trưởng xanh không chỉ là mục tiêu về môi trường mà còn là động lực tái cơ cấu kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 đánh dấu bước ngoặt lớn khi lần đầu tiên đưa khái niệm kinh tế tuần hoàn và cơ chế mở rộng trách nhiệm nhà sản xuất vào khuôn khổ pháp luật. Quy định về trách nhiệm của nhà sản xuất yêu cầu doanh nghiệp chịu trách nhiệm thu hồi, tái chế hoặc xử lý sản phẩm sau khi kết thúc vòng đời, tạo tiền đề quan trọng để phát triển thị trường tái chế (Quốc hội, 2020). Đây là một bước tiến quan trọng, góp phần thu hẹp khoảng cách chính sách giữa Việt Nam và các nền kinh tế phát triển như EU.

Cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ công bố tại COP26 đã tạo động lực chính trị mạnh mẽ cho quá trình chuyển đổi năng lượng, cải cách thể chế và phát triển kinh tế xanh. Các chương trình liên quan đến năng lượng tái tạo, nông nghiệp tuần hoàn, sản xuất sạch hơn và giảm phát thải trong công nghiệp đã được xây dựng và triển khai ở nhiều quy mô khác nhau. Chẳng hạn, Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt

Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ban hành kèm theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25-11-2025 của Thủ tướng Chính phủ hướng đến tăng mạnh tỷ trọng năng lượng sạch trong cơ cấu tiêu thụ; hay Chương trình hành động quốc gia về sản xuất sạch và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 nhằm giảm mức tiêu hao nguyên, nhiên liệu và gia tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên. Mặc dù hệ thống chính sách đã dần hoàn thiện, việc triển khai thực tế vẫn cần những bước tiến mạnh mẽ nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ.

b) Thực tiễn triển khai

Việt Nam đã bước đầu triển khai nhiều mô hình kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn với mức độ thành công khác nhau. Trong lĩnh vực năng lượng, điện gió và điện mặt trời phát triển nhanh chóng, đặc biệt giai đoạn 2018 - 2021, Việt Nam trở thành một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng năng lượng tái tạo cao nhất châu Á (IRENA, 2022). Việc phát triển các dự án điện mặt trời áp mái và trang trại điện gió đã giúp nâng cao năng lực cung cấp năng lượng sạch và giảm áp lực lên hệ thống điện truyền thống.

Một số mô hình tái chế nhựa được triển khai bởi các doanh nghiệp tư nhân đã bước đầu hình thành chuỗi giá trị tái chế chính thức theo định hướng trách nhiệm của nhà sản xuất. Ngành nông nghiệp tuần hoàn được đẩy mạnh thông qua mô hình sử dụng phụ phẩm làm phân bón, năng lượng sinh học, hoặc các mô hình chăn nuôi - trồng trọt kết hợp. Bên cạnh đó, mô hình khu công nghiệp sinh thái tại Ninh Bình, Đà Nẵng và Cần Thơ cho thấy tiềm năng lớn của cộng sinh công nghiệp, khi chất thải doanh nghiệp này có thể trở thành đầu vào cho doanh nghiệp khác (UNIDO, 2021).

Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn gặp nhiều thách thức. Công nghệ sản xuất và xử lý chất

thải tại nhiều ngành còn lạc hậu, chưa đáp ứng tiêu chuẩn môi trường quốc tế; năng lực tài chính cho đổi mới công nghệ còn hạn chế; thị trường vốn xanh chưa phát triển. Hệ sinh thái hỗ trợ đổi mới sáng tạo xanh còn yếu, thiếu các trung tâm nghiên cứu và vườn ươm công nghệ có khả năng thương mại hóa giải pháp xanh. Bên cạnh đó, nhận thức của nhiều doanh nghiệp về ESG, kinh tế tuần hoàn và tiêu chuẩn quốc tế còn hạn chế, làm chậm tiến độ chuyển đổi (ADB, 2022). Những yếu tố này khiến khoảng cách giữa mục tiêu chính sách và thực tiễn vẫn còn đáng kể.

c) Khoảng cách so với EU

So với Liên minh châu Âu, Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn đầu của quá trình hoàn thiện hệ sinh thái bền vững. Hiện tại, Việt Nam chưa xây dựng bộ tiêu chuẩn phân loại xanh (Taxonomy) tương đương với EU Taxonomy. Điều này khiến việc phân định dự án xanh - không xanh gặp khó khăn, hạn chế khả năng thu hút vốn đầu tư bền vững và cản trở việc giám sát rủi ro môi trường trong hệ thống tài chính (World Bank, 2022). Các quy định về báo cáo ESG mới chỉ ở mức khuyến khích hoặc yêu cầu thí điểm, chưa có bộ tiêu chuẩn thống nhất như ESRS của EU, dẫn đến sự không đồng nhất trong chất lượng báo cáo. Phần lớn doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa có năng lực thu thập dữ liệu, thực hiện kiểm kê phát thải hay báo cáo các chỉ số ESG theo chuẩn quốc tế. Một trong những khoảng cách lớn nhất giữa Việt Nam và EU là hệ thống thu gom, tái chế chất thải. Hiện nay, hệ thống tái chế chủ yếu dựa vào khu vực phi chính thức, thiếu cơ chế phân loại rác tại nguồn và chưa có chuỗi giá trị tái chế hoàn chỉnh. Điều này khiến tỷ lệ tái chế thấp, thất thoát tài nguyên lớn và cản trở quá trình hình thành kinh tế tuần hoàn (JICA, 2020).

Bảng 1. So sánh Eu - Việt Nam về chuyển đổi xanh và tuần hoàn

Tiêu chí	Liên minh châu Âu (EU)	Việt Nam
Khung chiến lược	European Green Deal, CEAP, Fit for 55	Chiến lược tăng trưởng xanh 2021-2030
Mục tiêu khí hậu	Net-zero năm 2050 (luật hóa)	Net-zero 2050 (cam kết nhưng chưa luật hóa đầy đủ)
Công cụ chính sách	CBAM, ETS, EU Taxonomy, CSRD	EPR, định hướng thị trường carbon, dự thảo Taxonomy
Công nghệ	Dẫn đầu thế giới về tái tạo, hydro, tái chế cao cấp	Công nghệ tái chế và năng lượng tái tạo phát triển nhưng còn hạn chế
Tài chính xanh	Hệ thống trái phiếu xanh lớn nhất toàn cầu	Quy mô nhỏ, khung quản lý đang hoàn thiện
Năng lực doanh nghiệp	Đa số doanh nghiệp áp dụng ESG, báo cáo bắt buộc	ESG mới ở giai đoạn đầu, nhận thức còn thấp
Tỷ lệ tái chế	Nhiều nước trên 50%	Khoảng 15 - 20%, chưa đồng đều
Tiêu dùng bền vững	Phổ biến, có EU Ecolabel	Chưa phổ biến, nhãn sinh thái còn hạn chế

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Ngoài ra, năng lực đo lường, báo cáo và kiểm kê phát thải của Việt Nam còn hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế như CBAM, CSRD hoặc cơ chế thị trường carbon toàn cầu. Điều này tạo rủi ro lớn cho doanh nghiệp xuất khẩu, nhất là trong các ngành thâm dụng carbon như thép, xi măng, nhựa, dệt may.

Nhìn chung, Việt Nam đã có bước tiến quan trọng trong xây dựng chính sách và triển khai mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nhưng khoảng cách với các quốc gia phát triển vẫn còn đáng kể. Việc thu hẹp khoảng cách này đòi hỏi tăng cường đầu tư công nghệ, hoàn thiện thể chế, phát triển vốn xanh, nâng cao năng lực doanh nghiệp và đẩy mạnh hợp tác quốc tế.

2.3. Hàm ý chính sách đối với Việt Nam

Một là, hoàn thiện thể chế

Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn, do đó việc hoàn thiện thể chế đóng vai trò then chốt. Trước hết, cần sớm ban hành bộ tiêu

chuẩn phân loại xanh quốc gia (Vietnam Green Taxonomy), tương tự EU Taxonomy, làm cơ sở phân biệt các hoạt động kinh tế thân thiện và không thân thiện môi trường. Một bộ taxonomy rõ ràng sẽ giúp định hướng dòng vốn xanh, hỗ trợ các nhà đầu tư đánh giá rủi ro môi trường và giảm tình trạng “tô xanh” trong thị trường tài chính⁽¹⁸⁾. Đồng thời, hệ thống phân loại này cần phù hợp với bối cảnh Việt Nam, tránh sao chép cứng nhắc các chuẩn quốc tế.

Bên cạnh đó, hoàn thiện khung pháp lý về định giá carbon (Carbon pricing), bao gồm cả thuế carbon và hệ thống mua bán phát thải (Emissions Trading System - ETS). Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, định giá carbon là công cụ hiệu quả nhất để giảm phát thải với chi phí thấp (Stiglitz, J., & Stern, N, 2017). Mặc dù Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã đề cập đến thị trường carbon trong nước, nhưng để triển khai cần cụ thể hóa về hạn ngạch, cơ chế giám sát, các ngành tham gia thí điểm và hệ thống đo lường phát thải.

Cơ chế mở rộng trách nhiệm nhà sản xuất (EPR) cũng cần được thực thi chặt chẽ. Hiện nay, EPR mới ở giai đoạn đầu, nhiều doanh nghiệp còn thiếu năng lực tuân thủ và hệ thống thu gom, tái chế còn phân tán. Việc tăng cường giám sát, thiết lập hệ thống thu hồi chính thức, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong quá trình tuân thủ sẽ tạo nền tảng hình thành thị trường tái chế bền vững.

Hai là, tài chính xanh

Tài chính xanh là động lực quan trọng để thúc đẩy đầu tư vào kinh tế xanh và tuần hoàn. Việt Nam cần phát triển đa dạng các công cụ tài chính bền vững, bao gồm trái phiếu xanh, tín dụng xanh và quỹ đầu tư carbon. Trong đó, trái phiếu xanh có thể đóng vai trò huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân cho các dự án năng lượng tái tạo, xử lý chất thải và hạ tầng đô thị bền vững. Ngân hàng Nhà nước cần

xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá rủi ro môi trường - xã hội nhằm thúc đẩy các tổ chức tín dụng tăng tỷ trọng tín dụng xanh trong danh mục đầu tư.

Ngoài ra, cần khuyến khích ngân hàng thương mại áp dụng tiêu chuẩn ESG trong thẩm định và quản lý rủi ro dự án. Điều này không chỉ giúp kiểm soát các tác động tiêu cực đến môi trường mà còn phù hợp với xu hướng quốc tế, khi nhiều định chế tài chính toàn cầu đã yêu cầu doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn ESG trước khi cung cấp vốn. Bên cạnh đó, phát triển quỹ

đầu tư carbon và thị trường tín chỉ carbon tự nguyện có thể mở ra nguồn lực tài chính mới cho doanh nghiệp Việt Nam tham gia các dự án giảm phát thải (ICAP, 2021).

Ba là, đổi mới công nghệ

Đổi mới công nghệ đóng vai trò trung tâm trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh và tuần hoàn. Việt Nam cần tăng đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) xanh thông qua các chương trình quốc gia, quỹ đổi mới sáng tạo và hợp tác quốc tế.

Những công nghệ ưu tiên bao gồm tái chế chất thải theo công nghệ cao, công nghệ năng lượng tái tạo thế hệ mới, hydro xanh, vật liệu sinh học, và công nghệ thu giữ - lưu trữ carbon (IRENA, 2022).

Trong bối cảnh EU đang áp dụng Cơ chế điều chỉnh carbon qua biên giới (CBAM), việc hỗ trợ doanh nghiệp nâng cấp công nghệ để đáp ứng tiêu chuẩn carbon thấp là yêu cầu cấp thiết.

Điều này đặc biệt quan trọng đối với các ngành như thép, xi măng, phân bón, hóa chất và nhôm, là những nhóm hàng chịu tác động trực tiếp của CBAM (European Commission, 2023). Doanh nghiệp Việt Nam cần tiếp cận công nghệ hiện đại, cải thiện hiệu suất năng lượng và đầu tư vào quy trình sản xuất ít phát thải để duy trì khả năng cạnh tranh tại thị trường EU.

Bốn là, nâng cao năng lực doanh nghiệp

Năng lực của doanh nghiệp là yếu tố quyết định thành công của quá trình chuyển đổi xanh.

Trong hai thập kỷ qua, EU đã xây dựng một hệ thống chính sách toàn diện, mang tính ràng buộc pháp lý cao và được triển khai đồng bộ giữa các quốc gia thành viên. Trọng tâm của hệ thống này là Thỏa thuận xanh châu Âu, công bố vào năm 2019, nhằm định hướng EU trở thành khu vực trung hòa carbon vào năm 2050. Thỏa thuận xanh được coi là “chiến lược tăng trưởng mới” của EU, đặt môi trường làm trọng tâm và xem chuyển đổi xanh là nền tảng nâng cao năng lực cạnh tranh dài hạn (European Commission, 2019).

Do đó, doanh nghiệp cần được đào tạo về thiết kế sinh thái (eco-design), quản lý carbon, kiểm kê phát thải, và lập báo cáo bền vững theo chuẩn mực quốc tế. Thiếu kiến thức và kỹ năng quản lý bền vững là một trong những rào cản lớn khiến doanh nghiệp Việt Nam chậm thích ứng với các quy định mới từ thị trường quốc tế, đặc biệt là EU (UNIDO, 2021). Cùng với đó, cần xây dựng các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu sang EU trong việc đáp ứng các yêu cầu từ CSRD và tiêu chuẩn môi trường ngày càng nghiêm ngặt. Nhiều doanh nghiệp Việt Nam hiện thiếu hệ thống thu thập dữ liệu ESG, dẫn đến khó đáp ứng các quy định báo cáo theo ESRS. Việc cung cấp công cụ kỹ thuật, phần mềm quản lý carbon, cùng các khóa đào tạo chuyên sâu sẽ giúp doanh nghiệp cải thiện năng lực tuân thủ.

Ngoài ra, cần thúc đẩy hình thành mạng lưới doanh nghiệp xanh, cụm công nghiệp xanh và khu công nghiệp sinh thái, tạo môi trường thuận lợi cho chia sẻ công nghệ, hợp tác đổi mới sáng tạo và thực hành cộng sinh công nghiệp.

Năm là, thúc đẩy hành vi tiêu dùng bền vững

Chuyển đổi xanh không chỉ là nhiệm vụ của Nhà nước và doanh nghiệp mà còn đòi hỏi thay đổi hành vi của người tiêu dùng. Trước hết, cần mở rộng chương trình nhãn sinh thái Việt Nam, giúp người tiêu dùng nhận diện sản phẩm thân thiện môi trường và khuyến khích doanh nghiệp nâng cao tiêu chuẩn sản phẩm. Các quốc gia phát triển đã chứng minh rằng nhãn sinh thái là công cụ hiệu quả trong việc điều chỉnh hành vi tiêu dùng và thúc đẩy thị trường sản phẩm xanh (OECD, 2011).

Chính phủ cần tăng cường truyền thông để nâng cao nhận thức cộng đồng về tiêu dùng bền vững, giảm rác thải nhựa, sử dụng năng lượng tiết kiệm và chuyển đổi sang lối sống

xanh. Ngoài ra, xây dựng chính sách thúc đẩy thị trường sản phẩm xanh thông qua ưu đãi thuế, trợ giá, hoặc đặt hàng công (green public procurement). Chính sách mua sắm công xanh đã được nhiều quốc gia EU áp dụng thành công, giúp mở rộng quy mô thị trường sản phẩm xanh và giảm chi phí sản xuất (EC - European Commission, 2020).

3. Kết luận

Kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn đang trở thành hai trụ cột chiến lược trong tiến trình phát triển bền vững của nhiều quốc gia trên thế giới. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên và áp lực hội nhập ngày càng gia tăng, việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa không chỉ là yêu cầu môi trường mà còn là điều kiện để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Kinh nghiệm của Liên minh châu Âu cho thấy một hệ thống chính sách toàn diện, phối hợp liên ngành và cơ chế thực thi mạnh mẽ có thể tạo ra tác động sâu rộng đến doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế, qua đó hình thành hệ sinh thái bền vững theo chiều sâu.

Đối với Việt Nam, những năm gần đây đã chứng kiến các bước tiến đáng kể trong xây dựng khung pháp lý, thúc đẩy năng lượng tái tạo, triển khai mô hình tuần hoàn và tăng cường cam kết quốc tế. Tuy vậy, khoảng cách giữa mục tiêu và thực thi vẫn còn lớn, đặc biệt trong các lĩnh vực như tài chính xanh, đo lường phát thải, tái chế chất thải, năng lực doanh nghiệp và đổi mới công nghệ. Điều này đòi hỏi Việt Nam cần đẩy nhanh tốc độ chuyển đổi, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng xanh và tăng cường hợp tác quốc tế để thu hút vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản trị.

Các hàm ý chính sách được đề xuất, bao gồm hoàn thiện thể chế, phát triển tài chính xanh, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực doanh nghiệp và thúc đẩy tiêu dùng bền vững là những hướng

đi quan trọng giúp giải quyết các rào cản hiện tại. Quan trọng hơn, quá trình chuyển đổi xanh của Việt Nam cần được xem là chiến lược dài hạn, gắn với mục tiêu Net-zero 2050 và định hướng phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Khi những giải pháp này được triển khai một cách đồng bộ và nhất quán, Việt Nam hoàn toàn có khả năng rút ngắn khoảng cách với các quốc gia tiên tiến, đồng thời tạo dựng mô hình tăng trưởng mới dựa trên đổi mới sáng tạo và hiệu quả tài nguyên □

Ngày nhận bài: 26-11-2025;

Ngày bình duyệt: 19-12-2025;

Ngày duyệt đăng: 24-4-2026.

Email tác giả: tvhieu@ctu.edu.vn

Tài liệu tham khảo:

ADB. *Green transition and private sector readiness in Asia*, Asian Development Bank, 2022.

ĐCSVN (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập II)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

EC - European Commission. *Green public procurement: Guidelines and best practices*, Publications Office of the European Union, 2020.

EFRAG. *European Sustainability Reporting Standards (ESRS) Exposure Drafts*, European Financial Reporting Advisory Group, 2022.

Ellerman, A. D., Convery, F., & de Perthuis, C. *Pricing carbon: The European Union Emissions Trading Scheme*, Cambridge University Press, 2016.

European Commission. *Circular economy action plan: For a cleaner and more competitive Europe*, Publications Office of the European Union, 2020.

European Commission. *Horizon Europe: The EU Framework Programme for Research and Innovation*, Publications Office of the European

Union, 2021.

European Environment Agency. *Trends and projections in Europe 2022: Tracking progress towards Europe's climate and energy targets*, EEA Report, 2022.

European Commission. *Carbon Border Adjustment Mechanism (CBAM)*, Publications Office of the European Union, 2023.

EU Technical Expert Group on Sustainable Finance. *Taxonomy report: Technical annex*, European Commission, 2020.

Geissdoerfer, M., Savaget, P., Bocken, N. M. P., & Hultink, E. J. The circular economy - A new sustainability paradigm? *Journal of Cleaner Production*, 2017, 143, 757-768, <https://doi.org>.

ICAP. *Emissions trading worldwide: Status report 2021*, International Carbon Action Partnership, 2021.

IRENA. *Renewable energy prospects for industry*, International Renewable Energy Agency, 2022.

JICA. *Waste management and recycling systems in Vietnam*, Japan International Cooperation Agency, 2020.

Kalmykova, Y., & Rosado, L.. Circular economy strategies and practices in European cities, *Resources, Conservation and Recycling*, 2018, 133, 1-12, <https://doi.org>.

OECD. *Greening household behaviour*, OECD Publishing, 2011.

OECD. *Extended Producer Responsibility: Updated guidance for efficient waste management*, OECD Publishing, 2016.

Quốc hội: *Luật Bảo vệ môi trường năm 2020*. Stiglitz, J., & Stern, N. *Report of the high-level commission on carbon prices*. World Bank Group, 2017.

UNIDO. *Eco-industrial parks: Policies and best practices*, United Nations Industrial Development Organization, 2021.

World Bank. *Toward a national green taxonomy for Vietnam*, World Bank Group, 2022.